

TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở HOA NAM

Nguyễn Ngọc Thơ

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

TÓM TẮT: Bài báo phân tích quá trình hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ mẫu ở vùng Lĩnh Nam Trung Quốc trong mối quan hệ cội nguồn với văn hoá Việt Nam và Đông Nam Á cổ đại với những đặc trưng như tính tổng hợp, tính linh hoạt, tính dân gian v.v...

Từ khóa: Lĩnh Nam, tín ngưỡng thờ mẫu, Hoa nam

1. VÙNG HOA NAM TRUNG QUỐC DƯỚI GÓC NHÌN ĐỊA VĂN HÓA

Dãy Ngũ Lĩnh⁽⁷⁾ – phần kéo dài của rặng Himalaya vươn ra bờ biển Thái Bình Dương tại phía nam Phúc Kiến, kết thành một bức tường thành tự nhiên phân đôi hai vùng nam, bắc Ngũ Lĩnh. Phần đất phía nam ấy được gọi là Hoa Nam, một trong 7 vùng văn hóa Trung Hoa tiêu biểu (Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam, Hoa Đông, Tây Bắc và Tây Nam), nay bao gồm Quảng Tây, Quảng Đông, nam Phúc Kiến và đảo Hải Nam. Ngoài ra, văn hóa Hoa

Nam còn bao gồm bộ phận phía nam Hồ Nam, nam Giang Tây và cả đảo Đài Loan. tuy nhiên, các bộ phận này đóng vai trò ngoại biên của văn hóa Hoa Nam. Cụ thể, văn hóa nam Hồ Nam gắn với Quảng Tây, nam Giang Tây gắn với văn hóa bắc Quảng Đông và tây nam Phúc Kiến (văn hóa nhóm Khách Gia), văn hóa Đài Loan gắn với nam Phúc Kiến. Chúng tôi chủ yếu khảo sát vùng văn hóa Hoa Nam theo nghĩa hẹp của nó.

Về vị trí địa lý, Hoa Nam này nằm ngay dưới chí tuyến bắc, bắc là dãy Ngũ Lĩnh, tây giáp cao nguyên Vân – Quý, nam giáp Bắc Việt Nam, đông giáp Thái Bình Dương, có thời tiết thuộc á nhiệt đới gió mùa. Thời tiết Hoa Nam một năm bốn mùa xuân, hạ, thu, đông rõ rệt; mùa đông không quá lạnh, do vậy một số hoạt động kinh tế nông nghiệp truyền thống như nuôi, trồng vẫn được duy trì [Edward L. Shaughnessy 2005: 17]. Đây cũng là điểm khác biệt nổi bật của Hoa Nam so với các vùng miền khác ở Trung Quốc.

Về mặt địa hình, tổng thể vùng Hoa Nam có thể phân thành hai loại hình chính: (1) vùng

(7) Ngũ Lĩnh bao gồm các dãy Đại Dữu (□ □ □, hay Đại Dữu, chạy từ Đại Dữu Giang Tây đến Nam Hùng Quảng Đông), Việt Thành (□ □ □, từ nam Hồ Nam đến Hưng An Quảng Tây), Minh Chử (□ □ □, hay Lâm Gia, Lâm Hạ, từ huyện Giang Hoa Hồ Nam đến ranh giới Hạ Huyện – Chung Sơn thuộc Quảng Tây), Đô Bằng (□ □ □ từ huyện Lan Sơn Hồ Nam đến Liên Huyện Quảng Đông), Kỳ Điền (騎田嶺, từ ranh giới Sâm Huyện và Tuyên Chương ở Hồ Nam đến bắc Quảng Đông) [Lê Văn Siêu 1972: 184; Trần Đại Sỹ: vietnamsante.com; baike.baidu.com; Tăng Mục Dã 2005: 1; Viên Chung Nhân 1998: 3].

núi và thung lũng ven sông ở phía tây (Quảng Tây); (2) núi xen kẽ với đồng bằng ven biển theo kiểu “trong đồng có núi, trong núi có đồng” ở phía đông (Quảng Đông, nam Phúc Kiến, Hải Nam). Địa hình Hoa Nam nhìn chung cao dần và phức tạp dần về phía tây, thấp dần về phía đông. Hệ thống sông ngòi khá dày đặc, hầu hết đều chảy theo hướng tây bắc – đông nam hoặc tây – đông như Tây Giang (gồm các nhánh Tả Giang, Hữu Giang, Li Giang,...), Bắc Giang, Châu Giang, Hàn Giang, Mân Giang v.v.. Vì thuộc vùng á nhiệt đới gió mùa nên mùa mưa Hoa Nam kéo dài sáu tháng với lượng mưa phong phú, nhờ vậy lượng phù sa đổ về các khu vực đồng bằng ở phía đông nam rất lớn, biến khu vực này thành các cánh đồng lúa nước màu mỡ.

Nhìn trên tổng thể, các điều kiện tự nhiên trên đây đã quy định hai kiểu loại hình văn hóa đặc trưng của toàn vùng Hoa Nam, gồm: (1) vùng núi non với loại hình kinh tế - văn hóa truyền thống gốc săn bắt, làm nương rẫy ở phía tây (Quảng Tây) và (2) vùng “trong đồng có núi, trong núi có đồng” với loại hình kinh tế - văn hóa truyền thống lấy nông nghiệp lúa nước làm chủ đạo ở phía đông (Quảng Đông, nam Phúc Kiến, Hải Nam).

Chủ nhân của vùng đất Hoa Nam xưa bao gồm bốn chi tộc Bách Việt điển hình trong vùng là Âu Việt⁽⁸⁾, Lạc Việt⁽⁹⁾, Nam Việt⁽¹⁰⁾,

⁽⁸⁾ Âu Việt: một chi tộc của tập đoàn Bách Việt cổ, cư trú chủ yếu ở phía tây Hoa Nam (nay là Quảng Tây), thời kì tiền Tần chủ yếu sống tập trung thành bộ lạc, sau phát triển thành nhà nước – nước Tây Âu (□ □ □). Họ có tục sùng bái trống đồng, sản xuất

Mân Việt⁽¹¹⁾. Khu vực Quảng Tây là địa bàn cư trú chủ yếu của tộc Âu Việt chuyên sống bằng nghề săn bắt, nghề rừng và làm nương rẫy. Ở Quảng Đông, cư dân cổ chủ yếu là người Nam Việt chuyên nghề nông nghiệp lúa nước cổ, giỏi các nghề thủ công truyền thống, nghề gốm, nghề đúc thuyền và đi biển. Bộ phận Lạc Việt xưa trên vùng đất nay là Hoa Nam tập trung chủ yếu ở vùng bán đảo Lô Châu và đảo

đồ gốm có hoa văn thừng kiểu Âu Việt. Năm 218 trCN, quân Tần vượt Việt Thành Lĩnh chiếm đất Tây Âu, quân Tây Âu đánh bại quân Tần, “thây chết hàng chục vạn”, “ba năm chưa giải giáp xong cung nó” (ghi trong Hoài Nam Tử). Trong cuộc chính tranh này, vua Tây Âu là Dịch Hu Tống (译吁宋) đã bị giết [Tuởng Bính Chiêu.. 1998: 68; Trương Thanh Chấn.. 2002: 70-75]

⁽⁹⁾ Lạc Việt: chi tộc Bách Việt cổ chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp lúa nước ở đồng bằng sông Hồng, sông Mã (Việt Nam) và vùng ven Vịnh Bắc Bộ, bán đảo Lô Châu, đảo Hải Nam (Trung Hoa), là chủ nhân của văn hóa Đông Sơn, thời thượng cổ từng lập nước Văn Lang, nước Âu Lạc, và là tổ tiên chủ yếu của người Việt Nam hôm nay.

⁽¹⁰⁾ Nam Việt: chi tộc Bách Việt cổ, sinh sống bằng nghề nông và thủ công nghiệp (gốm, làm thuyền) ở ven biển phía đông Hoa Nam (nay là Quảng Đông) [Tuởng Bính Chiêu.. 1998: 61]. Thời tiền Tần, họ từng lập các nước Phộc La (□ □ □), Bá Lự (□ □ □), nước Hoan Đầu (□ □ □, còn gọi là nước Phiên Ngung (□ □ □)) ở vùng đồng bằng Châu Giang, Bắc Giang [Tăng Chiêu Hoàn 1994: 37-38].

⁽¹¹⁾ Mân Việt: chi tộc Bách Việt cổ cư trú rải rác các khu vực Hàn Giang và Mân giang ở Phúc Kiến, có mối quan hệ chặt chẽ với nhóm cư dân bản địa Đài Loan được phân tách trước đó thành dân Nam Đảo (Austronésien).

Hải Nam, sinh sống bằng nghề nông và ngư nghiệp. Cư dân Mân Việt khai thác các đồng bằng châu thổ và thung lũng các con sông Mân, Hàn ở trung và nam Phúc Kiến, có lối sống thiên về kiểu khai thác rừng và biển [xem thêm [xem thêm Lân Úy Văn 2003].

Lịch sử phát triển của các chi tộc Bách Việt vùng Hoa Nam không liên tục, bị đứt đoạn bởi sự thiên di của người Hán từ phía bắc. Năm 218 tr.CN, Tần Thủy Hoàng phát động chiến tranh bình định vùng đất này, đến năm 214 tr.CN thì thành công, chính thức mở ra giai đoạn văn hóa bản địa vùng này tranh chấp với văn hóa Trung Hoa. Cùng với quá trình khai phá vùng đất này là sự di cư ồ ạt của người Hán từ phía bắc Ngũ Lĩnh vào và quá trình Hán hóa cư dân địa phương. Sau hơn 2000 năm lịch sử, sự hình thành và phát triển các cộng đồng dân tộc tại Hoa Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi yếu tố địa lý, địa hình và lịch sử - xã hội nói trên.

Trên nền tảng là dân Âu Việt vùng núi non hiểm trở, quá trình Hán hóa vùng Quảng Tây không mạnh mẽ, kết quả là một số cộng đồng dân Âu Việt cổ tự phân hóa rồi phát triển thành hệ dân Hán vùng Quế-Liễu (hòa trộn giữa người Hán mới đến qua ngã Hồ Nam và người Âu Việt bản địa vùng Quế Lâm, Liễu Châu [Viên Chung Nhân 1998: 21-22], được xếp vào nhóm Quan thoại Tây Nam) và các dân tộc thiểu số Choang (Bắc Choang), Đông, Thủy v.v.. Trong khi đó, quá trình này tại Quảng Đông, nam Phúc Kiến và đảo Hải Nam diễn ra mạnh mẽ hơn và liên tục, khiến hầu hết cộng đồng dân tộc Nam Việt, Mân Việt và Lạc Việt

tại đây dung hòa vào tộc Hán ở tầng mức cao. Tuy nhiên, dưới tác động của điều kiện địa hình “trong đồng có núi, trong núi có đồng” và sự chia cắt của hệ thống sông ngòi theo hướng tây bắc – đông nam đã biến toàn Quảng Đông thành nhiều tiểu vùng khác nhau với các sắc thái tộc người, kinh tế, văn hóa khác nhau. Mỗi khu vực dường như lấy một cánh đồng hay triền đất làm trung tâm rồi mở rộng ra xung quanh. Cụ thể, nhóm Triều Châu⁽¹²⁾ cư trú vùng đồng bằng Hàn Giang miền cực đông bắc Quảng Đông, nhóm Khách Gia⁽¹³⁾ chiếm cứ vùng núi phía bắc - đông bắc Quảng Đông (Thiệu Quan, Mai Châu) [Tam Wai Lun 2004:

⁽¹²⁾ Hệ dân Hán Lĩnh Nam nói phương ngữ Triều Châu cư trú lưu vực sông Hàn vùng cực đông bắc Quảng Đông (Triều Châu, Sán Đầu, Sán Vĩ v.v.), được cho là gần gũi nhất với hệ dân Mân Nam ở Nam Phúc Kiến. Phương ngữ Triều Châu được xếp vào hệ phương ngữ Mân Nam ở Nam Phúc Kiến [Viên Chung Nhân 1998: 18-19]

⁽¹³⁾ Hệ dân Hán cư trú vùng tây nam Phúc Kiến, đông nam Giang Tây và bắc Quảng Đông, có nguồn gốc xa xưa từ vùng Trung Nguyên, di cư dần về vùng Trường Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, hòa trộn dòng máu với hậu duệ các tộc Bách Việt cổ và nhóm Dao, Xá hình thành. So với các phương ngữ Triều Châu, Mân Nam và Quảng Phú, tiếng Khách Gia gần nhất với tiếng Bắc Kinh. Phương ngữ Khách Gia là một trong tám phương ngữ lớn của tiếng Hán (gồm Ngô, Việt, Mân Bắc, Mân Nam, Tương, Can, Quảng Đông, Khách Gia), hiện phổ biến ở vùng giáp ranh ba tỉnh nói trên, cùng một số vùng tại Quảng Tây, Tứ Xuyên [Viên Chung Nhân 1998: 19-20].

819], nhóm Quảng Phú⁽¹⁴⁾ làm chủ đồng bằng Châu Giang trung tâm và các khu vực lân cận, nhóm Việt Tây⁽¹⁵⁾ (粵西) vẫn chiếm đa số tại vùng tây nam Quảng Đông. Mỗi nhóm đều có phương ngữ riêng của mình (trừ nhóm Việt Tây hiện nói phương ngữ Quảng Phú), và giữa họ không thông hiểu nhau, thậm chí còn tồn tại nhiều thành kiến sắc tộc, chẳng hạn giữa Khách

⁽¹⁴⁾ *Hệ dân Hán làm chủ thể văn hóa Lĩnh Nam Trung Hoa, dân số đông đúc nói phương ngữ Quảng Đông (Cantonese), thành phần dân cư chính ở hầu hết các vùng ở Quảng Đông (trừ vùng Khách Gia, Triều Châu, Việt Tây), Hồng Kông, Macau, Quảng Tây (trừ vùng Quế-Liễu và các vùng dân tộc thiểu số). Trung tâm là Quảng Châu. Xét về tiềm lực kinh tế, người Quảng Phú đóng vai trò then chốt đối với cả vùng Lĩnh Nam. Giống tiếng Triều Châu (hệ Mân Nam) và Khách Gia, tiếng Quảng Đông là một trong tám phương ngữ Hán chủ yếu ở Trung Quốc [Viên Chung Nhân 1998: 17-18].*

⁽¹⁵⁾ *Thành phần dân cư sinh ra từ sự hỗn dung giữa Lạc Việt, Nam Việt cổ (đời Ngụy – Tống gọi là Lí (□), Lao (□)) và người Hán, chủ yếu cư trú ở vùng cực nam tỉnh Quảng Đông (Mậu Danh, bán đảo Lôi Châu) và vùng đất ven vịnh Bắc Bộ ở Quảng Tây, nói tiếng Quảng Đông theo phong cách “Lâm Cao ngữ (□ □ □)”. Trên thực tế, Việt Tây được ghép chung vào nhóm hệ dân Quảng Phú do ảnh hưởng lớn mạnh của nhóm này, song xét ở nhiều khía cạnh, họ vẫn mang những đặc trưng riêng biệt nên chúng tôi xếp riêng thành nhóm Việt Tây (粵西, Việt: tên tắt của Quảng Đông; Tây: phía tây). Viên Chung Nhân [1998: 20-21] thì gọi là vùng Lôi Quỳnh (□ □, tức kết hợp bán đảo Lôi Châu, vùng đông nam Quảng Tây và đảo Hải Nam). Nhiều nghiên cứu so sánh ngôn ngữ học đương đại và lịch sử ngôn ngữ ở Trung Quốc có chung quan điểm này [Vương Văn Quang, Lý Hiếu Bân 2007: 228]*

Gia và Quảng Phú từng xảy ra tranh chấp lớn (sự kiện Việt Tây)⁽¹⁶⁾; giữa Triều Châu và Quảng Phú có sự ngăn cách đáng kể; thành kiến của người Quảng Phú đối với nhóm dân Việt Tây v.v. Bộ phận Mân Việt ở nam Phúc Kiến cùng hỗn dung với người Hán phân hóa thành hệ dân Mân Nam. Tại Hải Nam, hệ dân Hải Nam hình thành trên nền tảng dung hợp Bắc, Nam.

Cần nói thêm rằng, các con sông trong vùng cũng đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành các nhóm hệ dân Hán tại Hoa Nam. Thứ nhất, các con sông vô hình ngăn cách các nhóm dân bắc nam, thậm chí ngăn cách hai bộ phận dân cư của cùng một hệ dân. Ví dụ, dân Quảng Phú ở Đông Quán (东莞, thuộc bờ bắc sông Châu Giang) nói phương ngữ Quảng Phú khá khác biệt với dân Phật Sơn (nam sông Châu Giang) cho dù họ thuộc cùng một hệ dân và đều thuộc vùng đồng bằng Châu Giang [tư liệu điền dã 2008]. Thứ hai, các con sông này là đầu mối giao thông, giao thương quan trọng giữa Quảng Đông và Quảng Tây, giữa vùng núi và đồng bằng, sẽ là những con đường quan trọng của quá trình Hán hóa vùng phía tây Hoa Nam. Kết quả là người Quảng Phú từ đồng bằng Châu Giang đã men theo các con sông lên lập nghiệp, khai phá và Hán hóa cư dân bản địa ven bờ vùng phía đông và đông bắc Quảng Tây, dần dà mở rộng ra phần địa

⁽¹⁶⁾ *Còn gọi là Chiến tranh Hakka – Punti (1854-1867) nổ ra ở các vùng Tân Hội, Khai Bình, bắc Lôi Châu (Quảng Đông), Quý Huyện, Quý Bình (Quảng Tây) làm 400 ngàn người chết [Sow-Theng Leong 1997: 74-75]*

hình tương đối thấp ở Quảng Tây (trừ vùng hệ dân Quế-Liễu ở phía bắc và khu vực các dân tộc thiểu số ở núi cao và ở xa) [tư liệu điền dã 2008]. Kết quả là đa phần dân Hán ở Quảng Tây là người Quảng Phủ, nói tiếng Quảng có nguồn gốc từ đồng bằng Châu Giang. Dĩ nhiên, trong quá trình tây tiến này, họ đã tiếp nhận những yếu tố văn hóa mới, nhất từ từ các dân tộc thiểu số Choang, Đông, Dao, Hmong v.v. tại những nơi ở mới. Một bộ phận cư dân thương buôn lên đênh trên sông nước này còn được xếp vào một nhóm hệ dân khác: Đản Dân (蛋家=Tangka) [tư liệu điền dã 2008]. Ngoài hệ thống sông Tây Giang, hệ thống sông Bắc Giang bắt nguồn từ tây nam Phúc Kiến đổ về

Bắc Quảng Đông và cửa sông Châu Giang cũng góp phần đưa ảnh hưởng của văn hóa Quảng Phủ đến vùng Khách Gia ở Bắc Quảng Đông [Johnathan Chamberlain 1987].

Đồng thời, bằng đường biển, nhóm các hệ dân Triều Châu, Khách Gia, Quảng Phủ đã đến Hải Nam định cư và đồng hóa một bộ phận dân Lê bản địa, cuối cùng hình thành một nhóm dân riêng, gọi là người Hải Nam (Hainanese) có sắc thái văn hóa phức tạp, không rõ ràng so với các nhóm hệ dân Hán khác ở Quảng Đông [Hàn Cường 2007: 17-22].

Tổng điều kiện tự nhiên và xã hội Lĩnh Nam Trung Hoa dưới tác động của yếu tố địa văn hóa có thể thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. So sánh điều kiện tự nhiên và loại hình kinh tế văn hóa truyền thống Quảng Đông và Quảng Tây

<i>Khu vực</i>	Quảng Tây	Quảng Đông, Hải Nam và nam Phúc Kiến
<i>Vị trí</i>	Nội địa, một phần nhỏ tiếp giáp vịnh Bắc Bộ	Ven biển, đảo
<i>Địa hình</i>	Chủ yếu là đồi núi	“Trong núi có đồng, trong đồng có núi”
<i>Cư dân cổ chủ yếu</i>	Âu Việt	Nam Việt, Mân Việt, một bộ phận Lạc Việt
<i>Loại hình kinh tế cổ</i>	Săn bắt, nương rẫy	Nông nghiệp lúa nước, thủ công nghiệp, đi biển
<i>Quá trình Hán hóa</i>	Yếu và chậm	Mạnh và nhanh
<i>Các tộc người chủ yếu hiện nay</i>	Dân tộc thiểu số (Choang, Đông, Thủy, Bồ Y..) + người Hán (Quảng Phủ, Quế - Liễu)	Người Hán: Mân Nam, Triều Châu, Khách Gia, Quảng Phủ, Đản Dân, Hải Nam
<i>Đặc trưng lối sống</i>	Phân tán	Thống nhất nội bộ trong các cộng đồng phân tán

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VÙNG HOA NAM

Đầu tiên cần làm rõ khái niệm “tín ngưỡng”. Khác với tôn giáo vốn có giáo chủ, giáo điều, phẩm trật và hệ thống tổ chức quản lý chặt chẽ, tín ngưỡng chỉ là những dạng thức sùng bái dân gian, xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh, từ sự bất lực của con người trước tự nhiên. Có thể nói nôm na là vào thờ bình minh của văn minh, con người với các hạn chế ở tầm hiểu biết và khả năng chế ngự tự nhiên đã cảm thấy sợ và bắt đầu xuất hiện tư tưởng tôn thờ tự nhiên với hy vọng được tự nhiên che chở [xem thêm Edward L. Shaughnessy 2005: 102]. Truyền thống này được cho là đậm đặc hơn ở phương Đông, nơi cư dân đa phần có ý thức coi tự nhiên là siêu hạng, là “người mẹ” và mong muốn được sống chan hòa với “mẹ”.

Tại châu Á – Thái Bình Dương, yếu tố tín ngưỡng dường như có vai trò lớn hơn hết trong hầu hết các nền văn hóa Đông Nam Á cổ. Thực tế, tín ngưỡng đi vào đời sống tâm linh cư dân Bách Việt cổ cũng như các nhóm di dân Hán về sau một cách sâu sắc, nó chi phối đến nhiều mặt của đời sống xã hội và đời sống tinh thần như phong tục, lễ hội, chiêm bói, nghệ thuật v.v.. Thông qua nghiên cứu truyền thống văn hóa, giới khoa học dễ dàng nhận ra rằng cư dân Bách Việt cổ thuộc chủng Austro-asiatic, có nguồn gốc Đông Nam Á cổ với đặc trưng đời sống tín ngưỡng đa thần, thiên hẳn về nữ tính có truyền thống thờ mẫu dày đặc.

Khái niệm “Mẫu” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng. “Mẫu” trước hết là nữ thần. Tác giả

Mai Ngọc Chúc [2005: 7-12] cho rằng “thần khác với ma”, “có thể phân làm thiên thần và nhân thần”. “Thiên thần là những nữ thần sáng tạo vũ trụ, sáng tạo loài người”, còn “nhân thần là những người có nhiều ân đức với nhân dân: đánh giặc, mở mang ngành nghề, trinh thực, tiết liệt, cứu dân độ thế v.v..”. Tác giả Ngô Đức Thịnh [2004: 59] thì khẳng định “Mẫu là nữ thần, nhưng không phải tất cả nữ thần đều là Mẫu”. Theo đó, tín ngưỡng thờ mẫu được nâng thành “đạo Mẫu”, là “hình thức tín ngưỡng “nâng cao”, “lên khuôn” từ cái nền thờ nữ thần vốn rất phổ biến và cổ xưa..”. Trong công trình của chúng tôi, “mẫu” ban đầu là “mẹ” (mother), là nữ thần, song khi “mẹ”, “nữ thần” được nâng lên thành “mẫu” (Mother Goddess) thì ý nghĩa biểu tượng của “mẫu” đã được mở rộng thêm. “Mẫu” gắn liền với sự sinh sôi, với sự bảo vệ, với phúc lành và sự sống. Do vậy, “Mẫu” trong nghiên cứu của chúng tôi được hiểu là hết thảy các nữ thần đã “nâng cao”, “lên khuôn” thành “mẫu” có trong các tín ngưỡng truyền thống các dân tộc, vừa là những người mẹ tổ tông, những nữ anh hùng dân tộc được thần thánh hóa, những vị phúc thần, những hình mẫu của phồn thực, những vị tiên nữ trong văn hóa dân gian v.v..

Nhiều học giả phương Tây đã nói “Đông Nam Á là xứ sở của mẫu hệ” (le Pays du Matrircat) [Trần Ngọc Thêm 2004: 44]. Nhận xét này có thể được kiểm chứng đầy đủ trong văn hóa tín ngưỡng hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, từ mẫu Liễu Hạnh, Hai Bà Trưng, Ponagar, Tam phủ (Việt Nam) đến nữ thần Hainuwele (Ceram, Indonesia) [Nguyễn Ngọc

Thơ 2008: vanhoahoc.edu.vn], nữ thần Nata Meser, Nakta Dampracsa ở văn hóa Khmer [Vũ Ngọc Khánh.. 2002: 12], thần Nang Nak ở Thái Lan [Phan Anh Tu 2007].

Hoa Nam xưa, cùng với dãy đất nam Dương Tử - bắc Ngũ Lĩnh, có truyền thống thuộc văn hóa – văn minh Đông Nam Á cổ [Gordon T. Bowles 1977: 194-195]. Chính tính chất nữ tính ấy của cộng đồng Bách Việt cổ tại Hoa Nam đã để lại cho lớp dân Hán mới đến nhiều thành quả đáng kể. Lớp dân mới đến dù khoác trên mình chiếc áo tư tưởng Nho giáo trọng nam khinh nữ song tại nơi ở mới này họ đã tự điều chỉnh mình cho phù hợp và dần dà tiếp nhận và phát triển tín ngưỡng thờ mẫu sẵn có, cũng như phát triển thêm các tín ngưỡng mới. Tất nhiên, trong quá trình ấy, một số tín ngưỡng thờ mẫu (hoặc nữ thần) địa phương bị mất đi, chẳng hạn tục thờ một nữ thần cổ vùng Tân Hội (Quảng Đông), tục thờ hai nữ thần cổ ở Chao-chou (Quảng Tây) vào khoảng giữa thế kỷ thứ VI, có ghi trong cuốn *Việt Tây Tùng Tái* (粵西丛载) của Uông Sâm (汪森, TK. XVII) [Wolfram Eberhard 1968: 40]. Ngược lại cũng có một số ít các tục thờ nữ thần phương Nam thấm thấu vào văn hóa Hán phương Bắc, chẳng hạn như tục thờ Tất Phi (宓妃, còn gọi là Tất Hy (宓羲) - con gái Phục Hy), nữ thần sông Lạc (như trong bức tranh *Lạc thần phú* (洛神赋) của Tào Trữc). Trong các triều đại Minh, Thanh về sau, tục thờ Thiên Hậu dần dà cũng bám rễ ở một số khu vực nhất định ở Hoa Bắc (chẳng hạn ở Thiên Tân, Sơn Đông).

Lịch sử hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ mẫu vùng Hoa Nam ghi nhận nhiều biến

động sâu sắc do môi trường tự nhiên và xã hội tác động vào. Trên đại thể có thể chia thành ba giai đoạn chính, gồm: *hình thành; dung hợp văn hóa Bách Việt – Hán* (Nam – Bắc); và *chuyển biến thời đương đại*.

- *Giai đoạn hình thành*

Tuyệt đại đa số tín ngưỡng thờ mẫu xuất hiện trong vùng Hoa Nam hoặc đang tồn tại ở Hoa Nam đều xuất hiện trong văn hóa Bách Việt và do người Bách Việt bản địa xây dựng thành. Như đã nói trên, chủ nhân lâu đời nhất của vùng đất Hoa Nam hiện nay là các chi tộc phía nam của cộng đồng Bách Việt gồm Âu Việt ở Quảng Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Mân Việt ở nam Phúc Kiến và một bộ phận Lạc Việt cư trú bờ bắc vịnh Bắc Bộ (đông nam Quảng Tây), bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam. Họ là các cư dân nông nghiệp lúa nước, luôn coi trọng sự sinh sôi nảy nở (của con người và cây trồng), kéo theo sự coi trọng vai trò của người mẹ, người phụ nữ. Bối cảnh văn hóa lịch sử ấy tạo điều kiện để các tín ngưỡng thờ mẫu hình thành và tồn tại ở Hoa Nam. Ngay khi người Hán thâm nhập vào vùng này, họ cũng tự thay đổi cho phù hợp với môi trường tự nhiên và xã hội bản địa.

Các tín ngưỡng thờ mẫu chính ở Hoa Nam hình thành phân tán ở các địa phương. Tín ngưỡng Long Mẫu vùng Tây Giang của người Âu Việt hình thành rất sớm, từ thế kỷ II tCN. Tín ngưỡng thờ vua Bà (Hai Bà Trưng) hình thành ở Bắc Việt Nam được lan truyền mạnh mẽ ở vùng dân tộc thiểu số tại Quảng Tây Trung Quốc từ những thế kỷ đầu CN. Tín ngưỡng Tiễn phu nhân hình thành vào thế kỷ

thứ VI do bộ phận cư dân Nam Việt và Lạc Việt vùng tây nam Quảng Đông tạo nên trước khi người Hán tiếp quản. Tương tự, tín ngưỡng Ma Tổ hình thành ở đảo Mi Châu thuộc đông nam Phúc Kiến, nơi văn hóa Đản Dân – hậu duệ Mân Việt, tồn tại ở mức độ cao⁽¹⁷⁾ [Mã Thu Điền, Mã Thu Hiệp 2006: 8-10]. Các tín ngưỡng thờ mẫu còn tồn tại cho đến hôm nay tại Hoa Nam đều hình thành trong bối cảnh va chạm, mâu thuẫn với văn hóa Hán thời kì văn hóa Hán bắt đầu du nhập. Chẳng hạn, tín ngưỡng Long Mẫu hình thành trong bối cảnh dân Âu Việt chống Tần [tư liệu điền dã 2008]; tín ngưỡng Tiễn phu nhân hình thành trong hoàn cảnh văn hóa Nam Việt đang trong cao trào đấu tranh để tồn tại trước sự du nhập của văn hóa Hán thế kỷ VI sCN [tư liệu điền dã 2008]; tín ngưỡng thờ vua Bà xuất hiện sau khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng chống quân Hán thất bại. Nói chung, hầu hết các tín ngưỡng thờ mẫu ở Lĩnh Nam ra đời gắn liền với văn hóa Việt và bối cảnh va chạm và tiếp xúc mạnh mẽ với văn hóa Hán.

- *Giai đoạn dung hợp văn hóa Bách Việt – Hán*

⁽¹⁷⁾ *Vùng Phúc Kiến chỉ thực sự hòa vào dòng chảy chính của văn hóa Trung Hoa kể từ thế kỷ thứ III sau Công nguyên, song do đặc điểm địa hình đối núi phức tạp, quá trình Hán hóa diễn ra chậm chạp, nhờ vậy cho đến hôm nay truyền thống văn hóa Mân Việt xưa vẫn được gìn giữ ở mức tương đối cao. Cụ thể, đến các thời Đường, Tống, Minh nơi này vẫn còn cư dân Đản Dân sinh sống dày đặc ở các vùng sông nước.*

Bất kì ai nghiên cứu truyền thống tín ngưỡng thờ mẫu vùng Hoa Nam đều không khỏi ngạc nhiên khi nhận ra rằng dù chúng xuất hiện trong bối cảnh văn hóa Bách Việt va chạm và chống lại sự du nhập của văn hóa Hán song lại có sức sống mãnh liệt và được người Hán tiếp nhận một cách tự nguyện. Có hai nguyên do để giải thích cho hiện tượng này. Một là bản thân người Hán di cư vào Hoa Nam vốn không còn mặn mà với truyền thống văn hóa quan phương phương Bắc, đã tự thay đổi cho phù hợp với điều kiện sống ở địa phương mới. Đó cũng là nguyên nhân người Hán ở Hoa Nam bị phân hóa thành các hệ dân khác nhau: Quảng Phủ, Khách Gia, Mân Nam, Triều Châu, Việt Tây, Quế Liễu, Đản Dân v.v.. Thứ hai là tác động của một số nhà nước phong kiến Trung Hoa. Với đặc điểm cách trở với các vùng miền còn lại của cả nước, giao thông Hoa Nam và phần còn lại ở Trung Quốc khá cách trở, chủ yếu vẫn là đường thủy, nhờ vậy các nữ thần gắn với yếu tố sông – biển được đề cao, nhất là ở các triều đại do các dân tộc phi Hán xây dựng nên: Nguyên, Thanh. Long Mẫu, Ma Tổ là hai ví dụ sinh động nhất (xem mục 3). Ngoài ra, các mẫu có tầm ảnh hưởng vùng và liên vùng cũng được Nhà nước phong kiến quan tâm với hy vọng quản lý được các mẫu tắc sẽ quản lý được dân.

Xét theo lý thuyết chức năng, rõ ràng trong xã hội Lĩnh Nam thời kì Bách Việt và hậu Bách Việt, nữ giới vẫn nắm giữ những vị trí đáng kể trong đời sống xã hội, nhất là nông nghiệp lúa nước, trồng dâu nuôi tằm, trồng trọt nương rẫy, chăn nuôi gia cầm.. vẫn cần đến sức lao động

đặc thù của nữ giới. Lấy phong tục lập hội không chồng của một bộ phận nữ giới Quảng Đông, Phúc Kiến nửa đầu thế kỷ 20 về trước (thường được gọi là Kim Lan hội) làm thí dụ. Một trong các hướng lý giải sự tồn tại của chúng là nhằm vào vai trò, vị trí không thể lay chuyển được của nữ giới trong nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt vải [tư liệu điền dã 2008]. Nói cách khác, chính vị trí, vai trò không thể thay đổi được của nữ giới vùng Hoa Nam làm cơ sở để tín ngưỡng thờ Mẫu tiếp tục tồn tại và phát triển.

Hiện tại, người Bách Việt cổ tại các vùng người Hán cư trú không còn là chủ thể văn hóa nữa, tức là chủ thể của văn hóa tín ngưỡng thờ mẫu ở Hoa Nam đều chuyển sang người Hán Hoa Nam. Dù vậy, sự thay đổi tính chất của các tín ngưỡng từ văn hóa Bách Việt sang văn hóa Hán là không đáng kể. Nói cách khác, sự dung hợp văn hóa Bách Việt – Hán và sự thay đổi chủ thể trong tín ngưỡng thờ mẫu ở Hoa Nam đã diễn ra trong ôn hòa, các tín ngưỡng không mất đi mà ngược lại còn phát triển mạnh mẽ.

- Giai đoạn chuyển dịch thời đương đại

Có thể chia ra hai thời kì: thời kì bị truy quyết bởi Cách mạng văn hóa (1966-1976), và giai đoạn chuyển hóa theo hướng dương tính hóa đương đại.

Năm 1949, Nhà nước Trung Hoa mới hình thành. Xã hội Trung Hoa chuyển biến mạnh mẽ sang những thái cực mới. Tư tưởng Trung Hoa truyền thống cũng có những biến đổi cơ bản. Tín ngưỡng thờ mẫu ở Hoa Nam chịu chung số phận của thời cuộc. Sự thắt chặt quản lý từ Trung ương cũng như những thay đổi trong

chính tư tưởng cư dân đã giáng đòn mạnh mẽ vào tín ngưỡng. Cao trào của quá trình triệt tiêu diễn ra vào thời Cách mạng văn hóa (1966-1976). Tín ngưỡng Vua Bà vùng Quảng Tây và Hồ Nam mất dạng [Trần Đại Sỹ 1992]. Một số tín ngưỡng khác bị suy yếu nghiêm trọng. Nhiều ngôi miếu bị đập phá hay bị trưng dụng vào các mục đích phi tín ngưỡng [tư liệu điền dã ở nam Phúc Kiến 2008]. Dù vậy, do thời gian thanh lọc ngắn (10 năm), các tín ngưỡng đều dai dẳng tồn tại và phục hưng ngay sau khi Cách mạng văn hóa kết thúc.

Các tín ngưỡng thờ mẫu dần hồi phục ngay sau đó. Bối cảnh xã hội Trung Hoa diễn ra sự thay đổi lớn khi Nhà nước quyết định cải cách mở cửa để phát triển kinh tế. Hàng loạt đặc khu kinh tế hình thành ở Hoa Nam, như Chu Hải, Thâm Quyển, Sán Đầu, Hạ Môn. Các thành phố khác phát triển mãnh liệt như Quảng Châu, Hồng Kông đã thúc đẩy toàn vùng Hoa Nam đi lên. Hàng triệu dân nhập cư từ phía bắc đổ về Hoa Nam (đặc biệt là Quảng Đông). Đây là lượt di cư vì động cơ kinh tế, khác hoàn toàn với lịch sử di cư trong suốt hai ngàn năm qua. Cùng với quá trình phát triển kinh tế vượt bậc của vùng, sự quản lý Nhà nước càng mạnh mẽ hơn. Điều này có nghĩa là xã hội Hoa Nam sau cải cách mở cửa đã chuyển hóa theo hướng “hiện đại hóa”. Lần này, tín ngưỡng thờ mẫu ở Hoa Nam mới được phục hưng đã chịu tác động từ từ và sâu sắc của xu thế này. Các mâu thuẫn mới bắt đầu xuất hiện, chủ yếu là các mâu thuẫn thiên về tính chất do các truyền thống tín ngưỡng – tôn giáo thuộc hai đặc trưng khác nhau cộng với xu hướng dương tính hóa

của xã hội tạo nên. Tín ngưỡng thờ mẫu gốc Bách Việt phương nam gặp phải sự du nhập ô ạt của dòng văn hóa Hoa Bắc vốn thiên về *tính quan phương*. Sự xung đột giữa hai truyền thống này đang diễn ra ở mức cao, đòi hỏi phải có sự điều tiết hợp lý. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế tương tác giữa những nhóm cấu trúc xã hội, tôn giáo cũ và mới vốn xây ra rất phổ biến trên thế giới. Theo chúng tôi, quá trình giải quyết mâu thuẫn hiện nay tại Hoa Nam sẽ diễn ra theo ba khuynh hướng khác biệt sau:

(1) *Cân bằng nữ thần – nam thần* ngay trong nội bộ tín ngưỡng thờ mẫu. Hiện tại quá trình này mới bắt đầu xuất hiện, và dường như đang dần được xã hội chấp nhận. Miếu Thiên hậu ở Hà Nguyên (Quảng Đông) là một thí dụ điển hình. Bên cạnh tượng Thiên hậu, người ta đặt thêm tượng Thiên hậu công công. Cư dân trong vùng không tỏ ra ngạc nhiên trước sự thay đổi này [tư liệu điền dã 2008].

(2) *Nam thần thay thế nữ thần*. Không loại trừ khả năng đây sẽ là xu hướng chính trong tương lai. Yếu tố nam thần ở đây không phải là tín ngưỡng nam thần mới xuất hiện, mà chính là sự xâm nhập và thay thế của Đạo giáo vào tín ngưỡng thờ mẫu. Miếu Bắc Đế ở Trường Châu (Quảng Tây) là một thí dụ. Mang tên là miếu Bắc Đế (thờ nam thần Bắc Đế Quân), song đối tượng được thờ là nữ thần. Được biết, miếu này vốn là miếu nữ thần, nhưng trong hai thập niên gần đây đã đổi thành miếu Bắc Đế.

(3) Hiện tượng *nữ thần cùng có vị trí của mình*. Cũng có thể sau quá trình đấu tranh khắc

nghiệt, một vài tín ngưỡng thờ mẫu cá biệt sẽ tự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới để tiếp tục tồn tại trên nền tảng vững chắc hơn. Tuy nhiên, các tín ngưỡng này muốn tiếp tục tồn tại đều phải thay đổi triệt để, phải Hán hóa hoàn toàn, hoặc phải chấp nhận Đạo giáo hóa ở mức độ cao hơn, thậm chí phải trở thành các thần tiên trong hệ thống Đạo giáo. Điều ấy có nghĩa là các tín ngưỡng phải chịu hy sinh một số đặc trưng điển hình vùng văn hóa Hoa Nam, gồm tăng cường nét hiện đại hóa (trường hợp Hán hóa hoàn toàn), hòa nhập vào Đạo giáo (để được bổ sung nền tảng lý luận – triết lý tôn giáo) và mất đi tính chất tín ngưỡng (trường hợp bị Đạo giáo hóa). Theo chúng tôi, rất có thể tín ngưỡng Ma Tổ (Thiên Hậu) và tín ngưỡng Tiễn phu nhân sẽ tiếp tục tồn tại cùng với những biến đổi sâu sắc về tính chất và ý nghĩa của mình.

Ngoài ra, chính sách nhà nước cũng là một yếu tố quan trọng mang tính quyết định đến sự tồn vong của các tín ngưỡng Hoa Nam. Ngay ở buổi giao thời này, mọi chính sách nhà nước đều gây ra những biến động lớn. Hiện tại, các tín ngưỡng thờ mẫu Hoa Nam chưa được công nhận chính thức [Donald E. MacInnis 1989: 45-49].

3. TỔNG QUAN TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VÙNG HOA NAM

Không ở đâu trên đất nước Trung Hoa có tín ngưỡng thờ mẫu với mật độ tồn tại dày đặc và tính chất mạnh mẽ như ở vùng Hoa Nam. Wolfram Eberhard [1968: 40] nhấn mạnh rằng chỉ ở phía nam và tây Trung Hoa mới có nhiều

nữ thần (mẫu). Chamberlain J. [1987: 103] nhận định rằng “một số nữ thần Trung Hoa được trân trọng gọi là Mẫu” (The empresses of China were also respectfully addressed as “Mother”). Điều này rất phù hợp với đánh giá của Will Durant [2002: 285]: “người Hoa Nam có óc thần bí, không ưa thích tính cách lạnh lùng, duy lý của Khổng giáo”. Để nhận diện rõ nét hơn về các “mẫu” ở Hoa Nam, chúng tôi phân loại dựa trên các tiêu chí: quy mô và tầm ảnh hưởng; nguồn gốc xuất xứ; và thành phần xuất thân.

Xét ở quy mô và tầm ảnh hưởng, ta có thể nhận dạng ba dạng tín ngưỡng thờ mẫu. Thứ nhất là dạng *tín ngưỡng có quy mô và tầm ảnh hưởng liên vùng*. Tín ngưỡng Ma Tổ là thí dụ điển hình. Tín ngưỡng Ma Tổ hình thành ở đảo Mi Châu (Phúc Kiến) vào thế kỷ XVII nhưng đã lan truyền rất mạnh mẽ ở khắp các khu vực ven biển, từ Triều Châu đến Quảng Phủ, Việt Tây, Hải Nam. Đặc trưng, ý nghĩa của tín ngưỡng liên vùng này là khá đồng nhất.

Chú giải: Ma Tổ tên thật là Lâm Mặc Nương (林默娘), sinh ngày 23 tháng 3 năm 960 tại Phố Điền (莆田, Phúc Kiến), hết mực hiếu đạo với gia đình. Bà vốn là người Dân Dân [Mã Thư Điền, Mã Thư Hiệp 2006: 8-10], từ năm 16 tuổi đã cùng cha đánh cá ngoài biển. Một hôm trong lúc ngủ, bà mơ thấy cha và anh đang gặp nạn, trong mơ bà đã cứu anh trai, đến lúc cứu cha thì bị mẹ gọi tỉnh giấc. Kết quả, cha bà gặp nạn chết. Tám gương và tài năng cứu thế của bà được người dân kính mến, sau khi qua đời ngày 9 tháng 9 năm 987 tại đảo Mi Châu, dân trong vùng lập miếu thờ (ghi trong Thiên Hậu chí, Lâm hiếu nữ sự thực, Thiên phi hiển thánh lục). Đến thời Nguyên, Ma Tổ được phong làm Thiên phi

(天妃, năm 1354), từ đó tín ngưỡng này phát triển lên vùng hạ lưu Trường Giang, bán đảo Sơn Đông, từ thời Minh trở về sau do nhu cầu giao thương hàng hải với khu vực Đông Nam Á, tín ngưỡng này truyền bá xuống Hoa Nam, Đài Loan và Đông Nam Á. Tên gọi đặc khu hành chính Macau bắt nguồn từ danh từ “Ma Các” (妈阁 = miếu Ma Tổ). Cuốn Ma Tổ Cung Tập Thành (妈祖宫集成) ghi chép tại Trung Quốc có hơn 450 huyện, thị, thành phố có miếu Thiên Hậu. Toàn thế giới hiện có hơn 5.000 miếu Thiên Hậu [Hoàng Tú Lâm 2005: 56].

Thứ hai là các dạng *tín ngưỡng mang tầm ảnh hưởng từng tiểu vùng*. Vùng Khách Gia có thể kể đến tục thờ Lâm Thủy phu nhân (临水夫人), Tào Mẫu phu nhân⁽¹⁸⁾ (曹母娘娘), Thánh Hóa phu nhân (圣化夫人) hoặc Thất cô (七姑)⁽¹⁹⁾; vùng Việt Tây (粤西) và đảo Hải Nam có tín ngưỡng Tiễn phu nhân (洗夫人), vùng thượng lưu và trung lưu sông Tây Giang (đông Quảng Tây, tây Quảng Đông) có tín ngưỡng Long Mẫu (龙母); vùng Quế - Liễu (bắc Quảng Tây) có tín ngưỡng Lưu Tam Thư (刘三姐) v.v.. Các tín ngưỡng này phát sinh ở những bối cảnh lịch sử xã hội khác nhau nên ít có mối quan hệ lẫn nhau.

⁽¹⁸⁾ Nữ thần địa phương vùng Anh Đức (Thiệu Quan, Quảng Đông), thân thế không rõ.

⁽¹⁹⁾ Tín ngưỡng Thánh Hóa phu nhân tập trung nhất ở vùng Nam Hùng (Thiệu Quan, Quảng Đông). Tín ngưỡng này hình thành ở Chang'ting (Phúc Kiến), sau truyền đến Nam Hùng và trở thành nữ thần bảo hộ thành phố này. Đại lễ vía thánh tổ chức ngày 15 tháng 7 âm lịch hằng năm [Tam Wai Lun 2004: 826].

Chú giải: Lâm Thủy phu nhân (临水夫人) (676-792), còn gọi là Đại Nãi phu nhân (大奶夫人), Thuận Ý phu nhân (顺懿夫人), tên thật là Trần Tịnh Cô (陈靖姑) người vùng Cổ Điền, Phúc Kiến. Truyền thuyết kể rằng Trần Tịnh Cô cùng kết hội Kim Lan với Lâm Diệu Nương (林纱娘), Lý Tam Nương (李三娘), sau cùng đi học đạo, có công đức lớn với dân trong vùng nên sau khi mất được dân ví thành ba vị nữ thần, gọi chung là Tam Nãi phu nhân (三奶夫人), phổ biến khắp vùng ven biển Phúc Kiến, sau truyền đến cộng đồng Khách Gia ở tây nam Phúc Kiến và bắc Quảng Đông [tư liệu điền dã 2008]. Ngoài ra, tín ngưỡng này còn truyền đến Đài Loan. Tiêu biểu là miếu Lâm Thủy phu nhân ở Đài Nam, trong miếu còn thờ Hoa Bà (花婆 = Bà Vương) và 36 mẫu thần khác [210.60.224.16/blog].

Kim Hoa phu nhân (金花夫人): còn gọi là Dưỡng dục phu nhân (养育夫人), Chuyển hoa phu nhân (转花夫人), Tống Tử phu nhân (送子夫人), Hồng hoa phu nhân (红花夫人), Bảo thai phu nhân (保胎夫人), là nữ thần cai quản chuyện sinh nở trong tín ngưỡng dân gian một số nơi ở đồng bằng Châu Giang. Tương truyền bà vốn là một vu nữ nổi tiếng vùng Quảng Châu thời xưa. Phu nhân của quan tuần phủ Quảng Châu Trần Liêm (陈廉) khó sản, đêm nằm mơ thấy thần tiên mách “nên mời cô Kim Hoa đến giúp”. Việc thành, cô Kim Hoa trở nên nức tiếng. Song chính vì cô là một vu sư nổi tiếng nên không ai dám nói lời cầu hôn. Kim Hoa buồn, nhảy hồ tự vẫn. Mười mấy ngày sau, thi thể nổi lên, mùi hương tỏa khắp vùng. Từ đó trở đi, vùng Quảng Châu hình thành tín ngưỡng Kim Hoa phu nhân. Cuốn Việt Tiểu Ký (粤小记) gọi là Kim Hoa Tiểu Nương. Ở nhiều phương diện, Kim Hoa phu nhân rất gần với Thiên Hậu, do vậy khi xã hội tiến bộ, điều kiện y tế, chăm sóc sức khỏe sinh sản tốt hơn, vai trò tâm linh của Kim Hoa phu nhân giảm đi và

hòa vào tín ngưỡng Thiên Hậu. Ngày nay, trong miếu Nam Hải thờ Thiên Hậu ở Quảng Châu có điện thờ Kim Hoa phu nhân ở một góc miếu [Trần Trạch Hoàng 2007: 381-382].

Tiền phu nhân (洗夫人), sinh năm 520, mất năm 601⁽²⁰⁾, quê ở Đình Thôn (nay là Điện Thành, Điện Bạch, Quảng Đông), là thủ lĩnh người Nam Việt và Lạc Việt qua các thời Lương (502-557), Trần (557-589), Tùy (581-618), có công tập hợp và lãnh đạo cư dân người Việt bản địa cùng tiếp nhận và dung hòa văn hóa Hán phương Bắc (theo Tùy Thư). Tiền phu nhân kết hôn với vị quan người Hán tên là Phùng Bảo (冯宝), được các triều đại sắc phong cai quản quận Cao Lương. Với tài năng và trí thông minh xuất chúng, Tiền phu nhân đã đóng góp to lớn cho sự khai phá và phát triển dân cư trong vùng. Sau khi qua đời, bà được tôn phong thành nữ thần, được dân cư khắp vùng tây nam Quảng Đông, Hải Nam lập miếu thờ. Mộ bà chôn ở phía sau miếu Nương Nương ở Đình Thôn [tư liệu điền dã 2008]. Theo thống kê, chỉ riêng huyện Điện Bạch có hơn 20 miếu Tiền phu nhân, Cao Châu hơn 60 miếu, Hóa Châu hơn 20 miếu, đảo Hải Nam hơn 50 miếu. Ngoài ra, các vùng Liêm Giang, Dương Giang, Tư Bình, Ngô Xuyên, Lôi Châu⁽²¹⁾ đều có miếu Tiền phu nhân. Lễ hội bài viếng Tiền phu nhân từ 17 đến 22 tháng giêng âm lịch hàng năm là lễ hội lớn nhất vùng Việt Tây [Ngô Triệu Kỳ, Lý Tước Huân 2004].

Long Mẫu tên thật là Ôn Long Cơ (温龙姬), người tộc Âu Việt, quê quán Đằng Huyện, Quảng Tây. Bố mẹ chẳng may bị lũ cuốn trôi, duy chỉ có Long Mẫu được lão đánh cá vùng Duyệt Thành (Triệu Khánh, Quảng Đông) tên là Lương Tam Công

⁽²⁰⁾ Các tác giả Dư Thiên Xí, Hoàng Quân Bình [1984] thì Tiền phu nhân sinh năm 522, mất năm 602.

⁽²¹⁾ Trừ đảo Hải Nam, tất cả các địa phương còn lại đều thuộc vùng tây nam Quảng Đông.

(梁三公) cứu sống từ một chiếc thuyền thúng trôi giữa dòng sông. Long Mẫu sắc xảo thông minh, nhờ nuôi 5 con rồng con nên được gọi là Long Mẫu. Về sau, bà hợp nhất 5 bộ lạc Âu Việt vùng trung và thượng lưu sông Tây Giang chống quân Tần. Sau khi qua đời, bà được suy tôn thành nữ thần cai quản dòng Tây Giang và vùng đất rộng lớn thuộc thượng và trung lưu sông Tây Giang. Hiện có các ngôi tổ miếu Long Mẫu ở Duyệt Thành, Triệu Khánh, Nam Hải (Quảng Đông), Đằng Huyện (Quảng Tây). Cũng có thuyết cho rằng Long Mẫu là hình ảnh vua Dịch Hu Tống (译吁宋) – lãnh tụ chống quân Tần thất bại năm 218 TCN, đã “nữ thần hóa” theo truyền thống Âu Việt [Trần Thiệu Cơ 2004; Trần Trạch Hoàng 2007: 379-388; Hoàng Vĩ Tống 2004: 10-11].

Lưu Tam Thư vốn là cô gái Choang vùng Quế Liễu, sống vào thời Đường. Nàng rất thông minh, sắc xảo và đặc biệt là hát hay, được phong là ca tiên. Lưu Tam Thư thường ca hát ca ngợi lao động và tình yêu. Một số thổ ty (lãnh chúa địa phương) giàu có trong làng ganh ghét, tìm cách hại nàng. Ngày 3 tháng ba năm ấy, Lưu Tam Thư lên núi lấy củi, thổ ty sai người phá vách núi, làm cho núi lở và đè chết nàng. Người đời sau kỷ niệm nàng, chọn ngày 3 tháng ba mở hội ca hát “Tam nguyệt tam” [Nguyễn Ngọc Thơ 2007]. Dân Choang vùng Liễu Châu dựng miếu thờ, dần dà Lưu Tam Thư được hiểu là vị nữ thần (ca tiên) trong dân gian Choang. Người Hán về sau đã tiếp nhận hình ảnh Lưu Tam Thư và Hán hóa vị ca tiên này ở một số phương diện.

Bà Vương, còn gọi là Hoa Bà (花婆) hay Hoa Bà Thánh Mẫu, vốn xuất hiện trong truyền thống tín ngưỡng các dân tộc hậu duệ hoặc có quan hệ nguồn gốc với Bách Việt như Choang, Dao, Cách Lao, Đồng v.v. cư trú vùng phía tây Hoa Nam. Theo nghiên cứu của Trần Đại Sỹ [1992], Hoa Bà chính là hình ảnh Hai Bà Trưng xuất hiện từ thời kì đầu

CN. Ngoài Việt Nam ra, miếu thờ Hai Bà Trưng từng có mặt ở các vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam, Tứ Xuyên ở Trung Quốc [Phan Huy Lê.. 1991: 175; Trần Đại Sỹ 1992]. Ngày nay, các dân tộc Choang, Mục Lao (Quảng Tây, Quý Châu) vẫn còn tín ngưỡng này [Vương Văn Quang.. 2007: 340].

Thứ ba là các dạng tín ngưỡng phụ, có ảnh hưởng đơn lẻ. Cụ thể gồm có Thanh xà-Bạch xà, Hằng Nga⁽²²⁾, Bách Tế phu nhân, 12 bà mẹ (Thập nhị Bà tổ), 36 Bà tổ, Nữ Oa, Tây Vương Thánh Mẫu⁽²³⁾, Xà Mẫu, Thánh Cô, Tam Cô phu nhân, Thái âm, Thiên mẫu nương nương, Hà Tiên Cô, Đào Hoa Tiên Nữ [Johnathan Chamberlain 1987: 125-128] v.v.. Nhìn chung, các tục thờ này đa phần bắt nguồn từ Đạo giáo hoặc từ dân gian song sau được Đạo giáo hóa trở thành các nữ thần tiên trong hệ thống Đạo giáo vốn rất phức tạp. Có thể thấy rằng các tục thờ này hầu như hiện diện ở tất cả các vùng miền Trung Hoa, do vậy chúng không phản ánh được các đặc trưng tiêu biểu của văn hóa Hoa Nam. Thêm vào đó, các nữ thần này chỉ dừng ở mức thần, chứ chưa được nâng thành Mẫu.

Xét theo nguồn gốc xuất xứ thì có thể nhận diện ba nguồn gốc chính (1) nguồn gốc Hoa

⁽²²⁾ Theo Wolfram Eberhard [1968: 37-43, 87-88], Hằng Nga là cách gọi Thường Nga của người Hán sau khi họ tiếp nhận câu chuyện Thường Nga giệt lấy thuốc trường sinh từ chồng, Thường Hy, rồi bỏ trốn lên cung trăng trong văn hóa người Dao vùng Ba Thục. Khu vực tiếp nhận sớm nhất là vùng đông nam bán đảo Sơn Đông.

⁽²³⁾ Cũng theo Wolfram Eberhard [1968: 37-43], thần thoại Tây Vương mẫu vốn xuất phát từ văn hóa Ba Thục, sau được người Hán tiếp nhận.

Nam có Long Mẫu, Tiễn phu nhân, Ma Tổ và Lâm Thủy phu nhân, Tào mẫu nương nương và các nữ thần trong truyền thống các dân tộc thiểu số ở Lĩnh Nam (Lưu Tam Thư, Hoa Bà v.v.); (2) *nguồn gốc các vùng miền khác ở Trung Quốc*, gồm có Thanh Xà – Bạch Xà, Hằng Nga, Bách Tế phu nhân v.v. có gốc gác từ Trung Nguyên; và (3) *nguồn gốc từ Việt Nam*, trường hợp Hai Bà Trưng.

Còn xét theo thành phần xuất thân, ta cũng có thể nhận diện bốn nhóm: (1) *nữ anh hùng dân tộc* (Bà Vương, Long Mẫu, Tiễn phu nhân); (2) *những phụ nữ có tấm lòng hiếu đạo, nhân ái cao cả*⁽²⁴⁾ (Ma Tổ, Lâm Thủy phu nhân, Kim Hoa phu nhân, Tào Mẫu nương nương, Lưu Tam Thư v.v.); (3) *các nữ thần được nhân cách hóa, thần thánh hóa từ giới tự nhiên* (Hằng Nga, Thanh Xà – Bạch Xà, Xà Mẫu v.v.); và (4) *các “mẫu” xuất thân từ tôn giáo*, như Quan Âm Bồ tát (Phật giáo), Hà Tiên Cô, Tây vương Thánh Mẫu v.v. (Đạo giáo).

4. KẾT LUẬN

Có hai kết luận chủ yếu sau:

- Tín ngưỡng thờ mẫu vùng Hoa Nam đa phần ra đời trong bối cảnh văn hóa Bách Việt bản địa, đã trải qua quá trình va chạm, giao lưu và xung đột quyết liệt với văn hóa quan phương Bắc Trung Hoa, song nhờ vào các điều kiện tự nhiên, lịch sử-xã hội và loại hình kinh tế - văn hóa đặc thù của vùng đã được người Hán mới đến tiếp nhận, dung hòa và phát triển trên nền tảng có hữu cho đến hôm nay.

- Có hai nhóm nữ thần được nhận diện, bao gồm nhóm nữ thần có vai trò ảnh hưởng toàn vùng và nhóm các nữ thần địa phương. Nhóm nữ thần toàn vùng có vai trò của Mẫu thần, tiêu biểu nhất là Ma Tổ (Thiên Hậu). Nhóm nữ thần địa phương đến lượt lại phân hóa thành hai tiểu nhóm, một là các nữ thần trong truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số phía tây (Quảng Tây), và nhóm các nữ thần bảo hộ cho từng nhệ dân (nhóm) người Hán Hoa Nam ở phía đông (Quảng Đông, Nam Phúc Kiến, Hải Nam). Các nữ thần Hoa Nam đóng góp vai trò to lớn trong đời sống tâm linh và đời sống xã hội các cộng đồng cư dân toàn vùng Hoa Nam.

⁽²⁴⁾ Còn gọi là *vu nữ* (nữ vu sư).

THE BELIEF OF MAU WORSHIPPING IN LINGNAN, CHINA

Nguyen Ngoc Tho

Unisersity of Social Science of Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *The paper analyzes the process of formation and development of MAU worshipping in Lingnan, Chinese in the original relationship to the cultures of Vietnam and of ancient Southeast Asia with such special features as collection and generalization, flexibility, folk nature etc.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đặng Văn Lung, *Văn hóa thánh mẫu*, NXB Văn hóa Thông tin, (2004).
- [2]. Đỗ Thị Hào, Mai Thị Ngọc Chúc, *Các nữ thần Việt Nam*, NXB Phụ nữ, (1984).
- [3]. Lê Văn Siêu, *Việt Nam văn minh sử lược*, tập thượng, Trung tâm học liệu BGD, (1972).
- [4]. Mai Ngọc Chúc, *Thần nữ và liệt nữ Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, (2005).
- [5]. Ngô Đức Thịnh, “Tín ngưỡng thờ Mẫu trong tâm thức người Việt Nam và lễ hội Phủ Dầy”, *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, NXB KHXH, (2004).
- [6]. Nguyễn Duy Hình, “Mẫu trong tín ngưỡng Trung Quốc cổ đại”, *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, NXB KHXH, (2004).
- [7]. Nguyễn Ngọc Thơ *Từ lễ hội longtong (tam nguyệt tam) của người Choang bản về tết 3 tháng ba ở Việt Nam*, www.vanhoahoc.edu.vn, (2007); *Thần thoại trình nữ Hainewele*, www.vanhoahoc.edu.vn, (2008); *Mộ Cô Tầu*, www.vanhoahoc.edu.vn, (2008).
- [8]. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Hà Nội: NXB Đại học và GDCN, (1991).
- [9]. Quốc Việt, Phạm Trần Anh, *Từ huyền tích “vua Bà” đến cái gọi là cột đồng Mã* Viện <http://www.taphopdongtam.org/baiviet/haibatrungkhoinghia.html>
- [10]. Sakaya “Thần Mẹ Xứ sở - Pô Inur Nurgar Chăm”, *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, NXB KHXH, (2004).
- [11]. Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam*, quyển thượng, NXB Tp.HCM, (1992).
- [12]. Trần Đại Sỹ, *Thử tìm lại biên giới cổ của Việt-Nam: bằng cổ sử, bằng triết học, bằng di tích và hệ thống AND*, <http://www.vietnamsante.com/trandaisy/tds-nguongoctocviet.pdf>, (1992).
- [13]. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP.HCM (bản in lần 4), (2004). Bản in lần 1: 2001.
- [14]. Vũ Ngọc Khánh, Mai Ngọc Chúc, Phạm Hồng Hà, *Nữ thần và thánh mẫu*

- Việt Nam*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, (2002).
- [15]. Barbara G. Walker, *Restoring the goddess: equal rites for modern women*, Prometheus Books, New York, (2000).
- [16]. Bret Hinsch, “Prehistoric image of women from the North China region: the origins of Chinese goddess worship?”, *Journal of Chinese Religions*, No. 32, (2004).
- [17]. Donald E. MacInnis, *Religion in China today: policy and practice*, Orbis Books, New York, (1989).
- [18]. Edward L. Shaughnessy, *China: empire and civilization*, Oxford University Press, (2005). First edition: 2000.
- [19]. Elisabeth Benard, Beverly Moon, *Goddesses who rule*, Oxford University Press, (2000).
- [20]. James Edwin Oliver, *The cults of the Mother Goddess*, Praeger, (1959).
- [21]. James J. Preston, *Mother worship – theme and variations*, The University of North Carolina Press, (1982).
- [22]. Johnathan Chamberlain, *Chinese gods*, Pelanduk Publications, (1988).
- [23]. Laurance G. Thompson, *Chinese religion – an introduction*, fourth edition, Wadsworth Publishing Company, California, (1989).
- [24]. Martha Ann, Dorothy Myers Imel, *Goddesses in world mythology*, ABC-CLIO, Inc, (1993).
- [25]. Mary F. Sommer Heidhues 1974: *Southeast Asia’s Chinese minorities*, Longman Australia.
- [26]. Michael Jordan, *Dictionary of Gods and goddesses*, first edition: 1993, Facts on Files, Inc., USA, (2004).
- [27]. Newman, Erich, *The Great Mother* (2nd edition), Routledge & Kegan Paul, London, (1963).
- [28]. Pamela Berger, *The goddess obscured – transformation of the grain protectress from goddess to saint*, Beacon Press, Boston, USA, (1985).
- [29]. Paul Reid-Bowen, *Goddess as nature: towards a philosophical theology*, Ashgate Publishing Limited, (2007).
- [30]. Phan Anh Tu, *The significance of naga in Thai architectural and sculptural ornaments*, report to ASF award, (2007).
- [31]. Rita M. Gross, *Feminism and religion: an introduction*, Beacon Press, Boston, USA, (1996).
- [32]. Robert G. Orr, *Religion in China*, Friendship Press, New York, (1980).
- [33]. Sow-Theng Leong, *Migration and ethnicity in Chinese history – Hakkas, Pengmin and their neighbors*, Stanford University Press, (1997).
- [34]. Tai Wai Lun, “Religious festivals in Northern Guangdong”, *Religion and Chinese society*, volum II: Taoism and local religion in modern China, The Chinese University Press, (2004).

- [35]. Vivienne Lo, “The legend of Lady of Linshui”, *Journal of Chinese religions*, N. 21, New York, (1993).
- [36]. Wolfram Eberhard, *The local cultures of South and East China*, translated from German by Alide Eberhard, Leiden E.J. Brill, (1968).
- [37]. Âu Thanh Dục 2002: *Duyệt Thành Long Mẫu tổ miếu*, Tòa soạn báo Đoàn Châu (欧清煜 (2002), 《悦城龙母祖庙》, 端州报社, 广东肇庆)
- [38]. Ban Biên tập Hội thảo văn hóa Tiễn phu nhân Tp. Mậu Danh 2001: *Hồn thiêng Tiễn phu nhân* (茂名市冼夫人文化研討會籌備組 2001 (冼夫人文化研討會籌備組 2001)) .
- [39]. Chu Thiên Thuận 1986: Nguồn gốc tín ngưỡng Ma Tổ và quá trình truyền bá thời Tống, *Học báo ĐH Hạ Môn* kì 2 (1986) (福建師範大學學報 (1986) 第二期) .
- [40]. Chu Thiên Thuận 1990: Tín ngưỡng Ma Tổ nên hòa hợp cùng xã hội đương thời, *Học báo Đại học Hạ Môn*, kì 4, trang 86-89 (1990) (廈門大學學報 (1990) 第四期 86-89 頁) .
- [41]. Chu Thiên Thuận: “Yếu tố xã hội chủ yếu tác động đến quá trình truyền bá tín ngưỡng Ma Tổ thời kì Nguyên – Minh” (影響馬祖信仰傳播過程的主要社會因素 - 元明時期) .
- [42]. Diệp Xuân Sinh, “Thần thoại Tây Vương mẫu ở Quảng Đông”, *TC Văn Sử* *Lĩnh Nam*, kì 2: 57-58 (2001) (2001 年第 2 期) .
- [43]. Dư Thiên Xí, Hoàng Quân Bình, Niên đại sinh và mất của Tiễn phu sinh, *TC Văn sử Lĩnh Nam*, kì 1 (1984) (1984 年第 1 期) .
- [44]. Dương Xương Hùng, “Bàn về giá trị kinh tế du lịch và hiện trạng khai thác của tài nguyên văn hóa Long Mẫu”, *Nghiên cứu Dân tộc Quảng Tây*, số 2, tr. 78-82 (杨昌雄 (2002) 「论龙母文化资源的旅游经济价值及其利用」, 广西民族研究, 第二期, 78-82 页) .
- [45]. Hàn Cường 2007: “Thành phần cấu thành và đặc trưng văn hóa các khu vực ở Lĩnh Nam”, *TC Văn sử Lĩnh Nam*, tr. 17-22 (2007) (2007 年第 1 期) .
- [46]. Hoàng Tú Lâm 2005: “Diễn tiến và thuyết mới về tác dụng văn hóa xã hội của tín ngưỡng Ma Tổ”, *TC Văn Sử Lĩnh Nam*, kì 2: 55-58 (2005) (2005 年第 2 期) .
- [47]. Hoàng Vĩ Tông 2004: “Phong Khai - nơi phát tích văn hóa Lĩnh Nam”, *Văn sử Lĩnh Nam*, kì 3, tr. 9-11 (2004) (2004 年第 3 期 9-11 頁) .
- [48]. Hội Nghiên cứu Tiễn phu nhân Cao Châu 2001: *Nghiên cứu Tiễn phu nhân ở Cao Châu*, Công ty TNHH Thiên Mã

